

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/DS-ST

Ngày 30/9/2022

V/v “*Tranh chấp kiện đòi tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thế Vinh.

2. Ông Bạch Đình Ca.

Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa: Ông Trần Đình Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2022 về việc “*Tranh chấp kiện đòi tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31a/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23a/2022/QĐST-DS ngày 14/9/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị BT, sinh năm 1967; Địa chỉ: Thôn HT, xã H, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk – (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Cao Văn T và bà Mai Thị T - (vắng mặt lần 2 không có lý do). Địa chỉ: Thôn HT, xã H, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện ngày 28/3/2021 và quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị BT trình bày:***

Do có quan hệ quen biết với ông Cao Văn T và bà Mai Thị T, nên vào năm 2017 ông T và bà T có vay của tôi số tiền 38.000.000 đồng để đổ đất sửa chữa nhà ở của gia đình và hẹn trả cho gia đình tôi trong năm 2017. Tuy nhiên, đến năm 2018 ông T và bà T không trả nên vào ngày 27/8/2018, bà Mai Thị T trực tiếp viết giấy cam

kết vay mượn tiền với tôi và hẹn sẽ trả cho tôi trong thời gian 03 tháng.

Đến hạn như cam kết, ông T, bà T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy tôi làm đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Cao Văn T và bà Mai Thị T phải trả cho tôi 38.000.000 đồng (*Ba mươi tám triệu đồng*) và không yêu cầu tính lãi suất kể từ ngày vay cho đến nay.

**Bị đơn ông Cao Văn T và bà Mai Thị T:* Tòa án đã triệu tập nhiều lần, nhưng ông T, bà T vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành xác minh, niêm yết các văn bản tố tụng để xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin phát biểu ý kiến:*

Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, thụ lý vụ án về quan hệ pháp luật “*Tranh chấp kiện đòi tài sản*” giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị BT, bị đơn ông Cao Văn T và bà Mai Thị T là đúng quy định của pháp luật; Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã áp dụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hòa giải và chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã áp dụng đúng quy định về trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Áp dụng Điều 274, 275, 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị BT.

Buộc ông Cao Văn T và bà Mai Thị T phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị BT số tiền 38.000.000 đồng (*ba mươi tám triệu đồng*).

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn ông Cao Văn T và bà Mai Thị T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Nguyễn Thị BT khởi kiện, yêu cầu ông Cao Văn T và bà Mai Thị T có nghĩa vụ trả cho bà BT số tiền 38.000.000 đồng đã vay ngày 27/8/2018. Do thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay đã hết, nên xác định đây là quan hệ tranh chấp kiện đòi lại tài sản do người khác chiếm hữu thông qua giao dịch dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã H, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin. Trước ngày mở phiên tòa, bà Nguyễn Thị BT có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a,

khoản 1 Điều 39 và điểm a, khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý, giải quyết và xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng với quy định của pháp luật.

Xét thấy, bị đơn ông Cao Văn T và bà Mai Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung tranh chấp*: Trên cơ sở lời trình bày của đương sự cũng như qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà Nguyễn Thị BT là chỗ quen biết với ông Cao Văn T và bà Mai Thị T. Vào năm 2017 ông T và bà T có vay của bà BT số tiền 38.000.000 đồng để đổ đất sửa chữa nhà ở của gia đình và hẹn trả cho bà BT trong năm 2017. Tuy nhiên, đến năm 2018 ông T và bà T vẫn không chịu trả tiền nên vào ngày 27/8/2018, bà BT yêu cầu bà Mai Thị T trực tiếp viết giấy cam kết vay mượn của bà Nguyễn Thị BT số tiền 38.000.000 đồng và hẹn sẽ trả cho bà BT trong thời gian sớm nhất. Đến hạn như cam kết, ông T, bà T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà BT

Bà Nguyễn Thị BT cũng đã xuất trình chứng cứ chứng minh cho việc khởi kiện là: 01 giấy cam kết vay (mượn) tiền mặt lập ngày 27/8/2018, ghi tên người vay tiền là bà Mai Thị T, số tiền vay là 38.000.000 (*ba mươi tám triệu*) đồng, nhưng không ghi lãi suất trong giấy vay tiền (có văn bản gốc lưu trong hồ sơ vụ án).

Trong quá trình sử dụng tiền vay, ông Cao Văn T và bà Mai Thị T chưa trả được khoản tiền vay gốc và lãi suất cho bà Nguyễn Thị BT. Do ông Cao Văn T và bà Mai Thị T không đến Tòa án để làm việc, nên không có chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, vì vậy Tòa án tiến hành trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của bà Mai Thị Tươi trong giấy vay tiền, để có căn cứ buộc vợ chồng ông Cao Văn T và bà Mai Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị BT số tiền đã vay. Tại bản kết luận giám định số 732/KL-KTHS, ngày 23/8/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: *Chữ ký dạng chữ viết “Tươi” trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký dạng chữ viết “Tươi” trên mẫu so sánh ký hiệu M3 đến M6 là do cùng một người viết ra.*

[3] Hội đồng xét xử xét thấy, việc các bên thiết lập quan hệ hợp đồng vay tài sản (tiền) là hoàn toàn tự nguyện và đúng các quy định pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Nay ông Cao Văn T và bà Mai Thị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị BT. Buộc ông Cao Văn T và bà Mai Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị BT số tiền vay 38.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

Về lãi suất: Tại các buổi làm việc, hòa giải bà Nguyễn Thị BT không yêu cầu vợ chồng ông Cao Văn T và bà Mai Thị T trả tiền lãi đối với số tiền vay là 38.000.000 đồng nên không đặt ra để giải quyết.

[4] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên ông Cao Văn T và bà Mai Thị T phải chịu chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 4.080.000 (*bốn triệu, không trăm tám mươi ngàn*) đồng. Bà Nguyễn Thị BT được nhận lại 4.080.000 (*bốn triệu, không trăm tám mươi ngàn*) đồng sau khi thu được của ông Cao Văn T và bà Mai Thị T.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Cao Văn T và bà Mai Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 274, 275, 463 và 466 Bộ luật Dân sự 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị BT.

1. Buộc ông Cao Văn T và bà Mai Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị BT số tiền 38.000.000 đồng (ba mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

2. Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên ông Cao Văn T và bà Mai Thị T phải chịu chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 4.080.000 (*bốn triệu, không trăm tám mươi ngàn*) đồng. Bà Nguyễn Thị BT được nhận lại 4.080.000 (*bốn triệu, không trăm tám mươi ngàn*) đồng sau khi thu được của ông Cao Văn T và bà Mai Thị T.

3. Về án phí: Ông Cao Văn T và bà Mai Thị T phải nộp 1.900.000 đồng (*một triệu, chín trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị BT không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền 3.707.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0001807 ngày 17/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND H. Cư Kuin;
- CCTHADS H. Cư Kuin;
- Các đương sự;
- Lưu HS+VP.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Huỳnh Thành

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

-----T-----

Bản án số: 89/2016/DSST

Ngày 29/8/2016

“V/v Kiện đòi tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột - Tỉnh Đắk Lắk
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thành.

-Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Tùng Mận.

Bà Nguyễn Thị Bình.

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hồ Thị Vi – Cán bộ Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột – tỉnh Đắk Lắk.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 8 năm 2016 tại trụ sở Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột – Tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 397/2015/DSST ngày 28 tháng 8 năm 2015 về việc: “*Kiện đòi tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2016/ QĐXX-DS ngày 01 tháng 8 năm 2016 và Quyết định hoãn phiên tòa số 112/2016/ QĐST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2016 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông Võ Khắc Thời.

Địa chỉ: 65 Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

-Bị đơn: Bà Đinh Thị Thôn.

Địa chỉ: Khối 8 phường Tân Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Thu Phượng.

Địa chỉ: Khối 8 phường Tân Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NHẬN THẤY

*** Tại đơn khởi kiện ngày 17/8/2015 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Võ Khắc Thời trình bày:**

Vào ngày 26/12/2012, bà Đinh Thị Thôn và bà Nguyễn Thị Thu Phượng (con gái bà Thôn) có đến ký nhận vay tôi số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Thời gian vay là 06 tháng, thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng. Bà Phượng có thể chấp cho tôi quyền sử dụng đất số AN 705673 thửa số 39 tờ bản đồ 49, địa chỉ thửa đất ở phường Tân Lợi có diện tích là 361,5m² mang tên bà Đinh Thị Thôn.

Đến ngày 15/01/2013 bà Phượng trả 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Đến ngày 17/01/2013 trả tôi 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Bà Phượng và bà Thôn đề nghị tôi trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay ngân hàng thì tôi đã trả lại cho bà Phượng và bà Thôn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AN 705673 thửa số 39 tờ bản đồ 49, địa chỉ thửa đất ở phường Tân Lợi có diện tích là 361,5 m². Nay bà Thôn còn nợ tôi 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) tiền gốc và nợ lãi của số tiền 250.000.000 đồng là 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng). Tổng cộng là 51.600.000 đồng (Năm mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng). Hết thời hạn trả nợ tôi đã nhiều lần tới nhà để đòi nhưng bà Thôn vẫn không chịu trả số tiền đã mượn. Số tiền bà Phượng mượn chung với bà Thôn thì bà Phượng đã trả cho tôi rồi nên tôi không có yêu cầu gì đối với bà Phượng về khoản nợ trên.

Nguyện vọng của tôi: Yêu cầu buộc bà Đinh Thị Thôn phải có trách nhiệm trả cho tôi số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 1.600.000 đồng. Tổng cộng bà

Thôn nợ tôi 51.600.000 đồng. Tôi yêu cầu tính lãi suất theo luật định từ thời điểm bà Thôn chốt nợ 51.600.000 đồng là từ ngày 17/01/2013 cho đến nay.

***Tại bản tự khai ngày 21/12/2015 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Đinh Thị Thôn trình bày:** Tôi và con gái tôi Nguyễn Thị Thu Phượng có vay của ông Võ Khắc Thời số tiền 300 triệu đồng và lãi suất vay là 2%/tháng. Khi vay, chúng tôi có thể chấp quyền sử dụng đất số AN 705673, thửa đất số 39 tờ bản đồ số 49, diện tích 361,5m² tại phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột mang tên bà Đinh Thị Thôn. Trong quá trình vay, chúng tôi đã trả được 350 triệu cho ông Thời, trong đó có 250 triệu tiền gốc và 100 triệu tiền lãi và ông Thời đã trả cho chúng tôi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp.

Nay ông Thời khởi kiện yêu cầu chúng tôi trả số tiền 51.600.000 đồng, trong đó 50 triệu đồng tiền gốc và lãi suất là 1.600.000 đồng chúng tôi chấp nhận trả, Tôi đề nghị ông Thời không tính lãi suất của số tiền trên từ khi chốt nợ ngày 17/01/2013 cho đến nay.

***Tại bản tự khai ngày 21/12/2015 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu Phượng trình bày:**

Vào tháng 01/2012, tôi có vay của ông Võ Khắc Thời số tiền 250.000.000 đồng với lãi suất là 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Khi vay tôi có thể chấp quyền sử dụng đất của mẹ là bà Đinh Thị Thôn, thửa đất tại tổ dân phố 8 phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột.

Đến cuối tháng 12/2012, tôi đã mang đủ số tiền vay gốc là 250 triệu đồng và tiền lãi là 100 triệu đồng xuống trả cho ông Thời, nhưng ông Thời tính lãi vay trong 06 tháng là 150 triệu đồng. Như vậy tôi còn nợ của ông Thời 50 triệu đồng tiền lãi.

Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, tôi xin hẹn đến tháng 6/2016 tôi sẽ trả cho ông Thời hết số nợ còn lại là 50 triệu đồng

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

+ Về quan hệ pháp luật: Do quen biết nên ông Võ Khắc Thời có cho bà Đinh Thị Thôn và bà Nguyễn Thị Thu Phượng vay tiền. Nhiều lần ông Thời đến nhà bà Thôn và bà Phượng để đòi nợ nhưng bà Thôn và bà Phượng không trả nên ông Võ Khắc Thời đã khởi kiện. Đây là vụ án tranh chấp “*Kiện đòi tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã triệu tập các đương sự lên làm việc, hòa giải đúng quy định.

+ Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Võ Khắc Thời yêu cầu bà Đinh Thị Thôn phải trả số tiền vay gốc là 50.000.000 đồng, tiền lãi còn nợ 1.600.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật từ sau ngày nhận nợ ngày 17/01/2013 cho đến nay. Ông Thời cũng đã xuất trình chứng cứ chứng minh cho việc

khởi kiện là hợp đồng vay tiền lập ngày 26/12/2012, ghi tên người vay tiền là bà Nguyễn Thị Thu Phượng và bà Đinh Thị Thôn, số tiền vay 300.000.000 đồng. Khi vay hai bên có thỏa thuận thời hạn trả tiền là 06 tháng kể từ ngày vay và lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng. Bà Phượng có thể chấp cho ông Võ Khắc Thời giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 705673 thửa số 39 tờ bản đồ 49, địa chỉ thửa đất ở phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột có diện tích là 361,5m² mang tên bà Đinh Thị Thôn.

Trong quá trình vay tiền, đến ngày 15/01/2013 bà Phượng trả cho ông Thời số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và đến ngày 17/01/2013 trả tiếp 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Bà Phượng và bà Thôn đề nghị ông Thời trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay ngân hàng thì ông Thời đã trả lại cho bà Phượng và bà Thôn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AN 705673 thửa số 39 tờ bản đồ 49, địa chỉ thửa đất ở phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột có diện tích là 361,5 m².

Nay bà Đinh Thị Thôn và bà Nguyễn Thị Thu Phượng còn nợ ông Võ Khắc Thời số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) tiền gốc và nợ lãi chưa thanh toán tính đến ngày 17/01/2013 là 1.600.000 đồng (Một triệu, sáu trăm nghìn đồng). Tổng cộng là 51.600.000 đồng (Năm mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng). Hai bên đã thống nhất và viết giấy nhận nợ số tiền 51.600.000 đồng và tiền lãi được tính từ ngày 17/1/2013 trở đi.

Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, ông Võ Khắc Thời chỉ yêu cầu bà Đinh Thị Thôn phải trả cho mình số tiền vay là 51.600.000 đồng và lãi suất thỏa thuận ghi trong hợp đồng vay là 2%/tháng mà không yêu cầu bà Phượng trả nợ là không có cơ sở bởi lẽ: Tại phần theo dõi thanh toán tiền vay gốc trong hợp đồng vay tiền lập ngày 26/12/2012 ghi rõ *“Hai bên thống nhất bà Thôn+Phượng còn nợ anh Thời 51.600.000 đồng, bắt đầu tính lãi từ ngày 17/01/2013 trở đi. Thời gian hẹn trả nợ chậm nhất là 03 tháng sau”* có chữ ký xác nhận của bà Nguyễn Thị Thu Phượng. Tại các bản tự khai, bà Đinh Thị Thôn và bà Nguyễn Thị Thu Phượng đều công nhận số tiền nợ còn lại là 51.600.000 đồng như ông Thời khởi kiện và đều có nguyện vọng trả nợ cho ông Thời và yêu cầu không tính lãi suất của số tiền nợ trên. Tuy nhiên, đây là vụ kiện tranh chấp kiện đòi lại tài sản do người khác chiếm hữu thông qua giao dịch dân sự. Vì vậy, áp dụng khoản 3 Điều 23 Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao, chỉ giải quyết khoản tiền vay gốc là 50.000.000 đồng và 1.600.000 đồng nợ lãi chưa thanh toán, mà không giải quyết tiền lãi của số tiền 50.000.000 đồng từ ngày chốt nợ 17/01/2013 cho đến nay vì không còn thời hiệu khởi kiện. Vì vậy, hội đồng xét xử cần buộc bà Đinh Thị Thôn và bà Nguyễn Thị Thu Phượng có trách nhiệm liên đới trả cho ông Võ Khắc Thời số tiền trên theo quy định tại Điều 471 và 474 BLDS là phù hợp.

*Số tiền nợ của khoản tiền vay này được tính như sau:

-Tiền nợ gốc chưa thanh toán: 50.000.000 đồng.

-Tiền lãi còn lại chưa thanh toán: 1.600.000 đồng.

Tổng cộng: **51.600.000 đồng** (Năm mươi một triệu, sáu trăm ngàn đồng). Trong đó: (Tiền gốc là 50.000.000 đồng + Tiền lãi chưa thanh toán là 1.600.000 đồng).

***Về án phí:** Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Đinh Thị Thôn và bà Nguyễn Thị Thu Phượng phải chịu án phí DSST.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự.

- Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của ông Võ Khắc Thời.

- Buộc bà Đinh Thị Thôn có nghĩa vụ phải trả cho ông Võ Khắc Thời số tiền **25.800.000 đồng** (Hai trăm năm mươi tám ngàn đồng).

- Buộc bà Nguyễn Thị Thu Phượng có nghĩa vụ phải trả cho ông Võ Khắc Thời số tiền **25.800.000 đồng** (Hai trăm năm mươi tám ngàn đồng).

Tổng cộng: **51.600.000 đồng** (Năm mươi mốt triệu, sáu trăm ngàn đồng). Trong đó: (Tiền gốc là 50.000.000 đồng + Tiền lãi chưa thanh toán là 1.600.000 đồng).

Áp dụng khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án khi đương sự có đơn yêu cầu thi hành án.

***Về án phí DSST:** Bà Đinh Thị Thôn phải chịu **1.290.000 đồng** (Một triệu, hai trăm chín mươi ngàn đồng) tiền án phí DSST.

Bà Nguyễn Thị Thu Phượng phải chịu **1.290.000 đồng** (Một triệu, hai trăm chín mươi ngàn đồng) tiền án phí DSST.

Ông Võ Khắc Thời không phải chịu án phí DSST, được nhận lại khoản tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là **1.290.000 đồng** theo biên lai thu số 32566 ngày 27/8/2015 của Chi cục THADS thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Thi hành án dân sự Tp. BMT (để thi hành);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thành

